

Số: 185/TTPTQĐ.CNXL

Xuân Lộc, ngày 25 tháng 12 năm 2025

V/v đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Phú.

Kính gửi: UBND xã Xuân Phú.

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Thực hiện Văn bản số 6958/UBND-KTNS ngày 08/10/2025 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng và bàn giao đất hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây;*

*Thực hiện Thông báo số 336/TB-UBND ngày 31/10/2025 Kết luận của đồng chí Hồ Văn Hà - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc nghe báo cáo tiến độ thực hiện một số dự án giao thông đang triển khai trên địa bàn tỉnh;*

*Thực hiện Văn bản số 10137/UBND-KTNS ngày 19/11/2025 của UBND tỉnh về việc yêu cầu khẩn trương hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng và bàn giao đất hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây.*

Trên cơ sở kết quả kiểm kê, tính toán bồi thường, hỗ trợ chi tiết, căn cứ các quyết định và đề nghị của người có đất thu hồi, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc đã hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho

người có đất thu hồi ảnh hưởng các Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Phú.

Kính đề nghị UBND xã Xuân Phú tổ chức thẩm định và phê duyệt theo quy định (*Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hồ sơ kèm theo*).

**Nơi nhận:**

- UBND xã Xuân Phú (thẩm định);
- TTPTQĐ tỉnh (để b/c);
- GD, PGD TTPTQĐ.CNXL;
- Lưu: VT- TTPTQĐ.CNXL (Tâm).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Lê Bảo**

Số: 36/PA-TTPTQĐ.CNXL

Xuân Lộc, ngày 25 tháng 12 năm 2025

## PHƯƠNG ÁN

**Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện các  
Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan  
Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ  
cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020,  
đoạn qua xã Xuân Phú.**

Kính gửi: UBND xã Xuân Phú.

### I. Căn cứ pháp lý:

#### 1. Pháp lý chung:

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà; công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*



Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai bổ sung Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà; công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

## **2. Pháp lý dự án:**

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (bổ sung);



của UBND tỉnh Đồng Nai. Kính đề nghị UBND xã Xuân Phú rà soát, lưu ý đối với những trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy mua bán tay, chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền theo quy định.

4. Phương án tái định cư (nếu có): Không có

5. Phương án di dời mồ mã trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

\* Tổng giá trị của phương án bồi thường, hỗ trợ: 19.140.978.774 đồng

Trong đó:

7.1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 18.493.699.299 đồng

Bao gồm:

- Bồi thường về đất: 9.731.062.700 đồng

- Bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc: 278.979.033 đồng

- Bồi thường về cây trồng: 292.692.266 đồng

- Giá trị về các chính sách hỗ trợ 7.312.965.300 đồng

-Thưởng chấp hành chủ trương: 878.000.000 đồng

7.2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường: 647.279.475 đồng

Trong đó:

- TTPTQĐ Chi nhánh Xuân Lộc (85%): 550.187.554 đồng

- UBND xã Xuân Phú (15%): 97.091.921 đồng

(Bảng tổng hợp kèm theo phương án)

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Trên cơ sở đề nghị của người có đất thu hồi, căn cứ các quy định, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Xuân Lộc hoàn thiện phương án 68/68 hộ gia đình, cá nhân.

9. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản

Đính kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết của hộ gia đình, cá nhân

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

Trên đây là nội dung Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện các Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Phú của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc.

Kính đề nghị UBND xã Xuân Phú thẩm định, phê duyệt theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- UBND xã Xuân Phú (thẩm định);
- TTPTQĐ tỉnh (để b/c);
- GD, PGĐ TTPTQĐ.CNXL;
- Lưu: VT- TTPTQĐ.CNXL (Tâm).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Lê Bảo**





**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ VỆ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**

Dự án Các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua xã Xuân Phú, tỉnh Đồng Nai  
(Kèm theo Phương án số: .../.../PA-TTPTĐCNAI ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Trong đó đất ở	Tổng											
1	Ông Vũ Xuân Hợp và bà Phạm Thị Thủy Hằng	11,7	11,7	-	-	11,7	2.024.100	-	-	-	-	-	3.555.000	2.000.000	7.579.100		
2	Ông Ung Thành Nghĩa và bà Huỳnh Thu Hồng	541,2	541,2	-	-	541,2	211.609.200	-	-	-	-	-	113.724.000	16.000.000	350.512.869		
3	Ông Nguyễn Sĩ Hằng và bà Thạch Thị Thủy Lai (sử dụng đất) - Ông Đinh Quang Dương (đúng tên GCNQSDĐ)	1.722,3	1.722,3	-	-	1.722,3	297.957.900	-	-	-	-	-	260.145.000	20.000.000	562.494.765		
4	Ông Nguyễn Văn Bình	400,6	400,6	-	-	400,6	69.303.800	-	-	-	-	-	60.990.000	12.000.000	143.315.330		
5	Ông Phạm Văn Thành và bà Lý Thị Nguyên (sử dụng đất) - Ông Ngọc Phương (đúng tên GCNQSDĐ)	563,0	563,0	-	-	563,0	97.399.000	-	-	-	-	-	86.250.000	12.000.000	197.450.600		
6	Bà Dương Thị Tiên và các đồng thừa kế của ông Vy Văn Dũng (sử dụng đất) - Ông Lý Văn Bình (đúng tên GCNQSDĐ)	177,3	177,3	-	-	177,3	30.672.900	-	-	-	-	-	27.495.000	8.000.000	66.620.015		
7	Ông Nguyễn Văn Ngọt (sử dụng đất) - Ông Nguyễn Ngọc Phương (đúng tên GCNQSDĐ)	965,0	965,0	-	-	965,0	166.945.000	-	-	-	-	-	145.650.000	16.000.000	332.243.717		
8	Ông Vy Văn Hiếu (sử dụng đất) - Ông bà Ma Thị Ot, Hồ bà Ma Thị Việt (đúng tên gia đình GCNQSDĐ)	903,5	903,5	-	-	903,5	156.305.500	-	-	-	-	-	136.425.000	16.000.000	311.034.425		
9	Ông Ung Văn Thanh	1.217,5	1.217,5	-	-	1.217,5	210.627.500	-	-	-	-	-	183.525.000	16.000.000	415.022.500		
10	Ông Chu Văn Hoàng (sử dụng đất) - Ông Võ Lương (đúng tên GCNQSDĐ)	28,7	28,7	-	-	28,7	4.965.100	-	-	-	-	-	5.205.000	2.000.000	12.243.285		
11	Ông Hoàng Trung Hiếu (sử dụng đất) - Ông Võ Lương (đúng tên GCNQSDĐ)	724,7	724,7	-	-	724,7	125.373.100	-	-	-	-	-	109.605.000	16.000.000	252.876.085		
12	Ông Hoàng Văn Tuấn và bà Vy Thị Lan (sử dụng đất) - Ông Phạm Văn Khai; Ông Phạm Văn Đông (đúng tên GCNQSDĐ)	1.099,8	1.099,8	-	-	1.099,8	190.265.400	-	-	-	-	-	166.770.000	16.000.000	375.839.890		
13	Ông Chu Văn Dũng (sử dụng đất) - Ông Mai Văn Nghi (đúng tên GCNQSDĐ)	1.227,1	1.227,1	-	-	1.227,1	212.288.300	-	-	-	-	-	185.865.000	16.000.000	414.153.300		

STT	Họ và tên	Diện tích đất thuê bãi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ xây dựng công trình	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật nuôi khác	Giá trị bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	TEU/NGƯỜI CÓ ĐẤT THU BỒI BÀN CAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI BÀN	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thưởng	Chi chú	
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
14	Ông Hoàng Văn Thành (sử dụng đất) - Hộ ông Nông Văn Học (đứng tên GCNQSDP)	289,0	289,0	-	-	-	289,0	49.997.000	-	-	-	45.150.000	8.000.000	103.147.000			
15	Ông Nguyễn Văn Dương và bà Vũ Thị Nguyệt Trào	823,8	823,8	-	-	-	823,8	166.407.600	-	-	-	137.727.000	16.000.000	320.134.600			
16	Ông Phùng Văn Phú (sử dụng đất) - Hộ ông Lạc Văn Hải (đứng tên GCNQSDP)	287,7	287,7	-	-	-	287,7	49.772.100	-	733.635	-	44.055.000	8.000.000	102.560.735			
17	Bà Ninh Thị Cung (sử dụng đất) - Hộ ông Lạc Văn Hải (đứng tên GCNQSDP)	404,3	404,3	-	-	-	404,3	70.030.400	-	1.032.240	-	61.620.000	12.000.000	144.682.640			
18	Ông Phùng Văn Trước	87,8	87,8	87,8	-	-	87,8	15.189.400	-	223.890	-	14.070.000	4.000.000	33.483.290			
19	Ông Lưu Văn Thành (sử dụng đất) - Hộ bà Ma Thị Viên; Hộ ông Phùng Văn Đông; Hộ ông Tô Văn Hải (đứng tên GCNQSDP)	1.483,9	1.483,9	1.483,9	-	-	1.483,9	256.714.700	-	3.783.945	-	223.485.000	16.000.000	499.983.645			
20	Bà Nông Thị Vinh (sử dụng đất) - Hộ ông Lạc Văn Hải (đứng tên GCNQSDP)	523,5	523,5	523,5	-	-	523,5	90.565.500	-	1.334.925	-	79.425.000	12.000.000	183.325.425			
21	Ông Vy Văn Giác (sử dụng đất) - Hộ ông Nông Văn Văn (đứng tên GCNQSDP)	104,0	104,0	104,0	-	-	104,0	17.992.000	-	265.200	-	16.500.000	4.000.000	38.757.200			
22	Ông Hoàng Văn Sào (sử dụng đất) - Hộ bà Hoàng Thị Sơn; Hộ ông Nông Văn Học (đứng tên GCNQSDP)	379,4	379,4	379,4	-	-	379,4	65.636.200	-	967.470	-	57.810.000	12.000.000	136.413.670			
23	Bà Trần Thị Ngọc (mất diện tích thuê cho các đồng chủ kế QSDP của ông Lương Đình Thuận)	322,9	322,9	322,9	-	-	322,9	55.861.700	-	5.284.664	-	49.335.000	12.000.000	122.4*1.364			
24	Bà Nông Thị Lãng và các đồng chủ kế QSDP của ông Vy Văn Chung	1.185,2	1.185,2	1.185,2	-	-	1.185,2	222.683.200	31.104.000	13.955.919	-	187.806.000	16.000.000	471.549.119			
25	Ông Lý Văn Lâm và bà Đặng Thị Đẹp	1.374,3	1.374,3	1.374,3	-	-	1.346,2	537.351.300	95.207.176	9.597.495	-	794.497.800	20.000.000	946.653.771			
26	Ông Trần Văn Mông và vợ bà Phạm Thị Thanh Tâm	1.232,3	1.232,3	1.232,3	-	-	1.232,3	213.187.900	-	3.142.365	-	186.645.000	16.000.000	418.975.265			

Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường hồ trợ về đất	Giá trị bồi thường hồ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường hồ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường hồ trợ vật nuôi	Giá trị bồi thường hồ trợ tài sản khác	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị về các chính sách hồ trợ	TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BAN GIAO MẮT BẢNG TRƯỚC THỜI HẠN	Tổng giá trị bồi thường, hồ trợ và thường	Chi chú
		Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
		Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Ông Đặng Thành Vinh (sử dụng đất) - Hộ ông Nguyễn Trường Khôi (đồng tên GCNQSDĐ)	750,6	750,6	750,6	750,6	-	750,6	129.853.800	1.914.030	-	-	-	113.490.000	16.000.000	261.257.830		
Ông Vũ Văn Lưu (sử dụng đất) - Hộ ông Vũ Văn Chi (đồng tên GCNQSDĐ)	224,1	224,1	224,1	224,1	-	224,1	38.769.300	1.523.830	-	-	-	34.515.000	8.000.000	82.808.180		
Ông Lý Văn Nhỏ (sử dụng đất) - Hộ bà Lê Thị Nhỏ (đồng tên GCNQSDĐ)	1.644,4	1.644,4	1.644,4	1.644,4	-	1.644,4	284.481.200	4.193.220	-	-	-	247.560.000	20.000.000	556.234.420		
Thạch Chanh Quên (sử dụng đất) - Hộ ông Mạnh Đầu (đồng tên GCNQSDĐ)	1.196,6	1.196,6	1.196,6	1.196,6	-	1.196,6	207.011.800	3.051.330	-	-	-	180.390.000	16.000.000	406.453.130		
Ông Lý Văn Quân (sử dụng đất) - Hộ bà Lê Thị Nhỏ (đồng tên GCNQSDĐ)	104,8	104,8	104,8	104,8	-	104,8	18.130.400	15.702.187	25.093.457	-	-	14.316.000	8.000.000	81.242.044		
Bà Vi Thị Mây (sử dụng đất) - Hộ bà Mai Thị Oa - Hộ ông Lộc Văn Hoi (đồng tên GCNQSDĐ)	561,3	561,3	561,3	561,3	-	561,3	97.104.900	1.431.315	-	-	-	85.095.000	12.000.000	195.631.215		
Ông Lý Văn Đò	571,1	571,1	571,1	571,1	-	571,1	98.800.300	1.456.305	-	-	-	86.565.000	12.000.000	198.821.605		
Bà Nông Thị Nư	854,3	-	-	-	-	-	-	12.814.500	-	-	-	-	2.000.000	14.814.500		
Ông Chu Xuân Lạc (sử dụng đất) - Ông Mạnh Vương Đăng - Ông Đặng Văn Vương - Hộ bà Lê Thị Thu - Hộ ông Vũ Lương - Hộ ông Hà Văn Vinh (đồng tên giấy GCNQSDĐ)	2.685,9	2.685,9	2.685,9	2.685,9	-	2.685,9	526.311.100	11.346.143	-	-	-	900.000	20.000.000	586.557.243		
Ông Hoàng Văn Điện (sử dụng đất) - Hộ ông Phương Văn Khá (đồng tên GCNQSDĐ)	1.119,5	1.119,5	1.119,5	1.119,5	-	1.119,5	193.673.500	2.854.725	-	-	-	168.825.000	16.000.000	381.353.225		
Ông Nông Văn Hoi và bà Vy Thị Vinh (sử dụng đất) - Hộ ông Nguyễn Văn Xuân (đồng tên GCNQSDĐ)	188,9	188,9	188,9	188,9	-	188,9	38.157.800	-	-	-	-	32.968.500	8.000.000	79.126.300		
Bà Vy Thị Chanh - địa điểm kê khai cho các đồng thừa kế QSDĐ của ông Lâm Văn Chân	680,5	680,5	680,5	680,5	-	680,5	117.726.500	1.735.275	-	-	-	102.975.000	16.000.000	238.436.775		
Bà Nguyễn Thị Mai nhận thừa kế QSDĐ của ông Nông Văn Vạn	332,6	332,6	332,6	332,6	-	332,6	213.196.600	4.819.800	-	-	-	83.218.500	16.000.000	317.234.900		
Ông Nguyễn Khắc Hiếu và bà Linh Thị Thu Diễm	722,6	722,6	722,6	722,6	-	722,6	145.965.200	19.074.547	-	-	-	121.029.000	16.000.000	302.068.747		

STT	Họ và tên	Diện tích đất thuê (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	Chú chú
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
41	Hồ ông Vy Văn Đức	385,2	385,2	-	-	-	385,2	77.810.400	-	8.658.030	-	-	-	67.158.000	12.000.000	165.626.430	
42	Ông Ung Thế Anh (sử dụng đất) - Hồ ông Nguyễn Trường Khai (đứng tên GCNQSDĐ)	1.466,1	1.466,1	1.466,1	-	-	1.466,1	253.635.300	-	3.738.535	-	-	-	229.815.000,00	16.000.000	494.188.835	
43	Bà Lê Thị Đào (sử dụng đất) - Bà Hùng Thị Hoa (là người được giao đất theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 09/05/2006)	422,7	422,7	422,7	-	-	422,7	85.385.400	-	-	-	-	-	70.645.500	12.000.000	168.030.900	
44	Bà Nguyễn Thị Khanh	389,4	389,4	-	-	-	389,4	78.658.800	-	-	-	-	-	65.151.000	12.000.000	155.809.800	
45	Hồ ông Nguyễn Văn Lanh và bà Huỳnh Thị Kim Lê	694,7	694,7	-	-	-	694,7	140.329.400	-	2.778.800	-	-	-	116.425.500	16.000.000	275.533.700	
46	Ông Hoàng Văn Sơn	686,3	686,3	686,3	-	-	686,3	118.729.900	-	2.196.160	-	-	-	103.845.000	16.000.000	240.771.060	
47	Ông Nguyễn Văn Tuấn	450,8	-	-	-	-	-	-	-	6.038.232	-	-	-	-	2.000.000	8.038.232	
48	Ông Vy Văn Nhay (sử dụng đất) - Hồ ông Lý Văn Bình (đứng tên GCNQSDĐ)	368,0	368,0	368,0	-	-	368,0	63.664.000	-	938.400	-	-	-	56.100.000	12.000.000	132.702.400	
49	Ông Huỳnh Văn Tuấn và bà Lê Thị Thủy Nhan (sử dụng đất) - Hồ ông Phạm Văn Sinh (đứng tên GCNQSDĐ)	771,9	771,9	771,9	-	-	771,9	133.538.700	-	3.960.000	-	-	-	116.601.000	16.000.000	270.099.700	
50	Bà Nguyễn Thị Thu, Bùi Thị Linh Duyên, Bùi Đức Đăng, Bùi Đình Du, Bùi Công Duy là các đồng thừa kế QSDĐ của ông Bùi Lưu Doanh	180,4	116,9	116,9	-	-	116,9	23.613.800	-	-	-	-	-	25.788.500	4.000.000	51.402.300	
51	Hồ ông Nguyễn Văn Kim	188,8	188,8	188,8	-	-	188,8	38.137.600	-	-	-	-	-	37.452.000	8.000.000	83.589.600	
52	Ông Vũ Văn Vũ	566,6	566,6	566,6	-	-	-	98.021.800	-	1.444.830	-	-	-	900.000	12.000.000	112.366.630	
53	Ông Vũ Văn Thảo (sử dụng đất) - Hồ ông Vũ Văn Liên (đứng tên GCNQSDĐ)	1.062,0	1.062,0	1.062,0	-	-	1.062,0	183.726.000	484.800	17.574.829	-	-	-	161.100.000	16.000.000	378.885.629	
54	Bà Vũ Thị Tăng nhận thừa kế QSDĐ của ông Vũ Văn Tý	2.179,4	2.179,4	2.179,4	-	-	2.179,4	377.036.200	84.235.200	25.056.320	-	-	-	327.810.000	20.000.000	831.137.720	

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
55	Bà Lê Thị Suong và đồng thừa kế của ông Trần Văn Vui (sử dụng đất) - Hồ ông Mạnh Vương Đàng, Hồ bà Lê Thị Thu (đứng tên GCNQSDP)	102,4	102,4	102,4	102,4	102,4	39.406.200		412.170				22.230.000	8.000.000	70.048.370		
56	Ông Nông Văn Lốp (sử dụng đất) - Hồ bà Hân Thị Toàn; Hồ ông Hoàng Văn An (đứng tên GCNQSDP)	1.236,7	1.236,7	1.236,7		888,8	173.477.600	42.854.400	4.290.425				143.502.000	16.000.000	380.124.425		
57	Ông Đàng Văn Tiến (sử dụng đất) - Hồ ông Trần Văn Tâm; Hồ ông Đoàn Văn Vong; Hồ ông Khắc Duy Tung; Ông Võ Bình Sơn và bà Trần Thị Hiền (đứng tên GCNQSDP)	1.780,6	1.780,6	1.780,6		1.780,6	331.191.600		4.540.530				268.890.000	20.000.000	624.622.130		
58	Ông Phan Lạc (sử dụng đất) - Hồ ông Danh Trí; Hồ ông Đoàn Văn Bình và bà Hồ Thị Hòa (đứng tên GCNQSDP)	799,8	799,8	346,7		-	148.762.800		8.301.008				900.000	12.000.000	169.963.808		
59	Hồ ông Nguyễn Văn Quỳ và bà Nguyễn Thị Thanh Bình	893,6	893,6	893,6		893,6	166.209.600		2.278.680				135.840.000	16.000.000	320.328.280		
60	Ông Trương Văn Minh (sử dụng đất) - hồ ông Trần Như Long (đứng tên GCNQSDP)	605,4	605,4	605,4		605,4	112.604.400						92.610.000	16.000.000	221.214.400		
61	Hồ ông Nguyễn Văn Nhân và bà Vũ Thị Thanh (sử dụng đất) - hồ ông Danh Trí (đứng tên GCNQSDP)	2.561,3	2.561,3	1.760,4		2.561,3	476.401.800		32.876.706				388.695.000	20.000.000	917.973.506		
62	Hồ ông Nguyễn Văn Dũng và bà Lưu Thị Cúc	460,1	460,1	460,1		460,1	85.578.600						70.815.000	12.000.000	168.393.600		
63	Ông Nguyễn Văn Bình và bà Huỳnh Thị Hồng Diệp (sử dụng đất) - Hồ ông Nguyễn Văn Đậu (đứng tên GCNQSDP)	1.087,4	1.087,4	1.087,4		1.087,4	202.256.400		7.394.320				164.910.000	16.000.000	390.560.720		
64	Ông Trần Văn Hùng (sử dụng đất) - Hồ ông Trình Hữu (đứng tên GCNQSDP)	889,4	889,4	889,4		889,4	165.428.400		2.267.970				135.210.000	16.000.000	318.906.370		
65	Ông Nguyễn Thái Dương	1.456,6	1.456,6	1.456,6		1.456,6	270.927.600		3.714.330				219.390.000	16.000.000	510.031.930		
66	Bà Trần Thị Hiền	208,7	208,7	208,7		208,7	38.818.200		532.185				32.205.000	8.000.000	79.555.385		
67	Ông Trần Văn Hiệp	10,3	10,3			10,3	1.915.800		26.265				2.445.000	2.000.000	6.387.065		
68	Hồ ông Trần Văn Nhi	803,7	803,7	803,7		803,7	149.488.200		2.049.435				122.355.000	16.000.000	289.892.635		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>52.426,5</b>	<b>51.057,9</b>	<b>45.540,4</b>	<b>-</b>	<b>46.599,6</b>	<b>9.751.062.700</b>	<b>278.979.033</b>	<b>292.692.266</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.312.965.300</b>	<b>878.000.000</b>	<b>18.493.699.299</b>	<b>647.279.475(b)</b>	

Kinh phí của Tổ chức thực hiện bồi thường: (b) = (a) x 3,5%

S T T	Họ và tên	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )						Diện tích đất hồ (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất hồ trợ (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hồ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hồ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hồ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường đ. hồ trợ vật nuôi	Giá trị bồi thường đ. hồ trợ tài sản khác	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị về các chính sách hồ trợ	THƯƠNG ĐÓI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU BỒI BẰNG GIAO MẤT TRƯỚC THỜI HẠN	Tổng giá trị bồi thường, hồ trợ và thương	Chú chú
		Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp															
		Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở														
1		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			
Trong đó: _ Kinh phí của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lặc (85%) (c) = (b) x 85% _ Kinh phí của UBND xã Xuân Phú (15%) (d) = (b) x 15%																			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG AN BỒI THƯỜNG: (a+b)</b>																			
550.187.554(c)																			
97.091.921(d)																			
19.140.978.774																			